

Bản án số: 58/2020/HS-ST
Ngày 21/ 9/ 2020;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tàn;

Ông Bùi Đăng Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Tạ Văn T, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1973 tại xã S, huyện Q, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Tạ Văn S, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1947; Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1976 (đã ly hôn); con: 02 con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2003); Tiền án: Không; tiền sự: không; nhân thân: Năm 2005, bị can T bị TAND huyện Quốc Oai, Thành phố H xử phạt 18 tháng tù giam theo Bản án số 22/2005/HSST ngày 24/6/2005. Ngày 13/9/2005, TAND tỉnh Hà Tây (nay là TAND Thành phố H) xử phúc thẩm và tuyên y án đối với bị cáo T (T đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích); Tạm giữ, tạm giam: Ngày từ ngày 22/5/2020 đến nay tại nhà tạm giữ - Công an huyện T, Thành phố H. Danh chỉ bản số 146 do Công an huyện T lập ngày 23/5/2020. Có mặt.

2. Chu Ba D, sinh năm 1979 (tên gọi khác Chu Văn D) tại xã C, huyện T, Thành phố H; nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện T, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới

tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Chu T Lộc, sinh năm 1949 và bà Lê Thị Ứng, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị Hồng Yến, sinh năm 1984; con: 05 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013); Tiền án: Không; tiền sự: không; nhân thân: Năm 2004, Chu Ba D bị TAND huyện T tuyên phạt 18 tháng tù về tội “trộm cắp T sản” nhưng cho hưởng án treo theo Bản án số 24/HSST ngày 29/10/2004; Năm 2016, D bị TAND huyện T tuyên phạt 12 tháng tù về tội “trộm cắp T sản” theo Bản án số 09/2016/HSST ngày 02/02/2016. Chu Ba D đã chấp hành xong các hình phạt và đã được xóa án tích; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 22/5/2020 đến nay tại nhà tạm giữ - Công an huyện T, Thành phố H. Danh chỉ bản số 145 do Công an huyện T lập ngày 23/5/2020. Có mặt.

- Người hại:

1. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1983, vắng mặt;
Trú tại: Thôn Vĩnh Lộc 1, xã P, huyện T, Thành phố H;
2. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1986, vắng mặt;
Trú tại: Thôn Đình, xã H, huyện T, Thành phố H;
3. Ông La Văn Đ, sinh năm 1969, vắng mặt;
Trú tại: Thôn Miếu, xã H, huyện T, Thành phố H;
4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990, vắng mặt;
Trú tại: Thôn Bàn, xã H, huyện T, Thành phố H;

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, vắng mặt;
Trú tại: Thôn Quế Lâm, xã H, huyện P, Thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Tạ Văn T (SN 1973, trú tại: thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, Thành phố H) cùng Chu Ba D (SN 1979, trú tại: thôn 2, xã C, huyện T, Thành phố H) đã thực hiện 04 vụ trộm cắp T sản trong tháng 05/2020 cụ thể như sau:

***Vụ thứ 1:** Khoảng 12 giờ ngày 14/5/2020, Chu Ba D đến nhà Tạ Văn T tại thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, Thành phố H và rủ T đến xã H, huyện T, H để trộm cắp T sản. T đồng ý. D chở T đi xe máy Honda wave màu xanh đen của T đi đến đoạn đường liên xã P, xã H thuộc thôn Vĩnh Lộc, xã P, huyện T, Thành phố H thì T và D nhìn thấy chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh của anh Nguyễn Quang Tiến (SN 1983, trú tại: thôn Vĩnh Lộc, xã P. huyện T, Thành phố H) không có

người trông giữ, T đi bộ đến vị trí để xe và dắt lùi xe ra đường rồi ngồi lên xe điều khiển còn D đi xe máy phía sau và dùng chân đẩy xe. Sau đó, T và D mang chiếc xe trộm được đến nhà Nguyễn Văn Thủ (SN 1975, trú tại: thôn Quế Lâm, xã H, huyện P, Thành phố H). Khi gặp Thủ, T nói: “em có chiếc xe ba bánh không dùng đến anh mua em bán cho”. Thủ hỏi lại T: “xe này ở đâu thế”, T nói: “xe của em không dùng đến”. Thủ xem xe và mua chiếc xe với giá 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). T đồng ý bán chiếc xe cho Thủ. T và D chia nhau mỗi người được 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó, ông Thủ đã bán chiếc xe trên cho người không rõ tên tuổi ở khu vực quận Hà Đông, Thành phố H với giá 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) vào khoảng ngày 16/5/2020 nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tang vật. Số tiền bán xe T và D đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản Kết luận định giá T sản số 50/KL – HDDG ngày 26/05/2020 đã kết luận: 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh ghi có kích thước 3x1.3x1.3 mét, giảm xóc màu vàng, chạy bằng xăng, xe hoạt động bình thường, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là **10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng)**.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Quang Tiến yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Ngày 27/8/2020 Chu Ba D cùng gia đình đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại là anh Nguyễn Quang Tiến số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) anh Tiến không có yêu cầu về dân sự đối với D và xin giảm nhẹ hình phạt cho Chu Ba D.

* **Vụ thứ 2:** Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 20/5/2020, D tiếp tục rủ T đến xã H, huyện T, Thành phố H để trộm cắp T sản. T đồng ý. Sau đó T lấy kìm cộng lực ở nhà T rồi cùng D đi chiếc xe YAMAHA Jupiter không có BKS của D đến xã H, huyện T, Thành phố H. Khi đi đến đầu đường Giải Phóng thuộc thôn Bàn, xã H, huyện T, Thành phố H thì T và D thấy chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh lá cây của chị Nguyễn Thị Thanh H (SN 1986, trú tại: thôn Đình, xã H, huyện T, Thành phố H) không có người trông giữ. Chiếc xe có dùng xích khóa ở bánh trước của xe. T và D đi đến chiếc xe rồi D căng xích cho T cầm kìm cộng lực cắt xích. Sau đó, T dắt xe ra đường liên xã H – P, huyện T, Thành phố H để đấu điện rồi cùng D đem cất giấu xe ở nhà T tại thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, Thành phố H. Ngày 21/5/2020, T mang xe trộm được đến nhà anh Nguyễn Văn Thủ (SN 1975, trú tại: thôn Quế Lâm, xã H, huyện P, Thành phố H). Khi gặp Thủ, T nói: “em còn chiếc xe ba bánh nữa, anh mua em bán cho”. Thủ không nói gì và trả giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). T đồng ý bán cho Thủ. Số tiền bán xe T và D chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng. T và D đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế chạy bằng động cơ xăng được sơn màu xanh lá cây, chắn bùn bánh trước màu trắng, có 02 giảm xóc được

sơn màu bạc, kích thước xe 3,5x1,25x1,25m, thùng phẳng kích thước 2,2x1,25m, ghế ngồi bọc da màu nâu, bình đựng xăng phía trước phần ghế ngồi, xe hoạt động bình thường, đã qua sử dụng do Nguyễn Văn Thủ tự nguyện giao nộp.

Tại Bản Kết luận định giá T sản số 49/KL – HĐĐG ngày 26/5/2020 đã kết luận: 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế chạy bằng động cơ xăng được sơn màu xanh lá cây, chắn bùn bánh trước màu trắng, có 02 giảm xóc được sơn màu bạc, kích thước xe 3,5x1,25x1,25m, thùng phẳng kích thước 2,2x1,25m, ghế ngồi bọc da màu nâu, bình đựng xăng phía trước phần ghế ngồi, xe hoạt động bình thường, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là **16.00.000 đồng (mười sáu triệu đồng)**.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thanh H đã được Cơ quan điều tra giao trả lại T sản và không có yêu cầu về dân sự. Ông Nguyễn Văn Thủ không có yêu cầu về dân sự.

***Vụ thứ 3:** Khoảng 23 giờ ngày 21/5/2020, D đến nhà T rủ T đi trộm cắp T sản. T đồng ý và mang chiếc kim cộng lực và kéo bằng kim loại cùng D đi chiếc xe YAMAHA Jupiter không có BKS đến xã H, huyện T, Thành phố H để trộm cắp T sản. Khi đi qua nhà ông La Văn Đ (SN 1969, trú tại: thôn Miếu, xã H) thì thấy chiếc xe ba bánh màu xanh thẫm tự chế của ông Đ để trước cửa nhà không khóa và không có người trông giữ. D ngồi xe cảnh giới cho T vào lấy trộm chiếc xe. T đi tới chiếc xe ba bánh dùng lưỡi kéo cho vào ổ khóa rồi mở khóa điện. Sau đó, T cùng D mang chiếc xe ba bánh trộm được về cất giấu tại nhà Tạ Văn T ở thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, Thành phố H.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế chạy bằng động cơ xăng được sơn màu xanh thẫm, chắn bùn bánh trước sơn màu xanh nước biển có 04 giảm xóc được sơn màu vàng, kích thước xe 3,8x1,3x1,34 m, thùng phẳng kích thước 2,4x1,3 m, phần ghế ngồi bọc da màu nâu kích thước 0,7x0,3m, xe hoạt động bình thường, đã qua sử dụng thu giữ tại nhà Tạ Văn T khi khám xét.

Tại Bản Kết luận định giá T sản số 49/KL – HĐĐG ngày 26/5/2020 đã kết luận: 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế chạy bằng động cơ xăng được sơn màu xanh thẫm, chắn bùn bánh trước sơn màu xanh nước biển có 04 giảm xóc được sơn màu vàng, kích thước xe 3,8x1,3x1,34 m, thùng phẳng kích thước 2,4x1,3 m, phần ghế ngồi bọc da màu nâu kích thước 0,7x0,3 m, xe hoạt động bình thường, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là **16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng)**.

Về dân sự: Bị hại La Văn Đ đã được Cơ quan điều tra giao trả lại T sản và không có yêu cầu về dân sự.

*** Vụ thứ 4:** Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/5/2020, D tiếp tục rủ T đi trộm cắp T sản tại xã H, huyện T, Thành phố H. Sau đó, T chuẩn bị công cụ gồm: 01 kim cộng lực,

01 gậy rút kim loại ba khúc, 01 kéo kim loại, 01 đèn pin bằng nhựa, 01 khẩu trang vải màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen để đi trộm cắp T sản. T chở D bằng chiếc xe YAMAHA Jupiter không có biển kiểm soát đến khu vực đường 19/8 thuộc thôn Bàn, xã H, huyện T, Thành phố H thì thấy chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh của anh Nguyễn Văn L (SN 1990, trú tại: thôn Bàn, xã H) có khóa bằng dây xích ở bánh trước của xe. Thấy không có người trông giữ, T cầm kìm cộng lực cùng D đến vị trí để xe. D cầm xích nâng lên rồi T dùng kìm cộng lực cắt khóa. Sau khi cắt xong thì T dắt xe ba bánh đi về hướng đường Đa Khoa khoảng 02 mét thì bị lực lượng Công an xã H bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe ba bánh chiều dài 2,5m, chiều rộng thành xe 1,3m màu xanh, 02 giảm xóc màu vàng khung xe bằng kim loại, ghế ngồi và ghế tựa lưng được bọc da màu nâu, động cơ chạy bằng xăng, loại xe tự chế, xe hoạt động bình thường, đã qua sử dụng; 01 (một) kìm cộng lực, 01 (một) gậy rút kim loại 3 khúc, 01 (một) chiếc kéo kim loại, 01 (một) đèn pin vỏ nhựa, 01 (một) đoạn xích kim loại có kèm theo ổ khóa, 01 (một) khẩu trang vải màu đen, 01 (một) đôi dép tổ ong màu nâu đất, 01 (một) một chiếc xe máy YAMAHA, loại xe jupiter, không có BKS.

Tại Bản Kết luận định giá T sản số 49/KL – HĐĐG ngày 26/5/2020 đã kết luận: 01 (một) xe ba bánh chiều dài 2,5m, chiều rộng thành xe 1,3m màu xanh, 02 giảm xóc màu vàng khung xe bằng kim loại, ghế ngồi và ghế tựa lưng được bọc da màu nâu, động cơ chạy bằng xăng “loại xe tự chế”, xe hoạt động bình thường, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là: **10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng)**.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn L đã được Cơ quan điều tra giao trả lại T sản và không có yêu cầu về dân sự.

Vật chứng thu được: 03 chiếc xe ba bánh tự chế trong 03 vụ án trên và 01 (một) kìm cộng lực màu đen, chuỗi kìm dài 60 cm, phần lưỡi kìm dài 23 cm; 01 (một) chiếc gậy rút 03 khúc bằng kim loại có tổng chiều dài 53 cm, phần tay cầm màu đen dài 22,5 cm; 01 (một) chiếc kéo kim loại có tay cầm màu xanh dài 9,5 cm, phần lưỡi kéo màu đen dài 12,5cm; 01 (một) chiếc đèn pin vỏ bằng nhựa màu đỏ có chiều dài 15,5 cm; 01 (một) đoạn dây xích kim loại bị đứt 01 mắt xích màu trắng, được khóa bởi ổ khóa ngang màu xanh; 01 (một) khẩu trang vải màu đen; 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen; 01 (một) đôi dép tổ ong màu nâu đất; 01 đầu văm phá khóa bằng kim loại có tổng chiều dài 8 cm, 01 đầu thanh kim loại hình vuông 0,6 cm, một đầu hình dẹt;

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Jupiter màu trắng xám không có BKS, số khung: VYA- J5VT2 4YA038635, số máy: 5VT2 – 38635 T, D sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) xe máy Honda Wave, màu đỏ, BKS: 19B1 – 294.00, số máy HC12E – 5539731, số khung RLHHC1216DY539672 thu được khi khám xét khẩn cấp đối với Tạ Văn T.

Vật chứng chưa thu được: 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh ghi có kích thước 3x1.3x1.3 mét, giắc xóc màu vàng, chạy bằng xăng, xe hoạt động bình thường, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave anpha màu xanh đen mà T và D sử dụng để đi trộm cắp T sản ngày 14/5/2020.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết luận định giá và các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKS –TT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Thành phố H truy tố bị cáo Tạ Văn T và Chu Ba D (Chu Văn D) về tội “Trộm cắp T sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: Tạ Văn T từ 36- 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 22/5/2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: Chu Ba D (Chu Văn D) từ 30 - 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 22/5/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Quang Tiến yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Trong giai đoạn truy tố bị cáo Nguyễn Ba D và gia đình đã bồi thường cho anh Tiến số tiền 7.500.000 đồng, anh Tiến không yêu cầu bị cáo D bồi thường; Đối với số tiền còn lại là 7.500.000 đồng (1/2 thiệt hại) đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Tạ Văn T bồi thường cho anh Tiến là phù hợp với Điều 288, 587, 589 BLDS.

Người bị hại là ông La Văn Đ, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Thanh H đã nhận lại T sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xét; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền đã mua chiếc xe ba gác nên không xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) kim cộng lực màu đen; 01 (một) chiếc gậy rút 03 khúc bằng kim loại; 01 (một) chiếc kéo kim loại có tay cầm màu xanh; 01 (một) chiếc đèn pin vỏ bằng nhựa màu đỏ; 01 (một) đoạn dây xích kim loại bị đứt 01 mắt xích màu trắng; 01 (một) khẩu trang vải màu đen; 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen; 01 (một)

đôi dép tổ ong màu nâu đất; 01 đầu vạm phá khóa bằng kim loại là công cụ phương tiện phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Jupiter màu trắng xám không có BKS, số khung: VYA- J5VT2 4YA038635, số máy: 5VT2 – 38635 T, D sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu xung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 (một) xe máy Honda Wave, màu đỏ, BKS: 19B1 – 294.00, số máy HC12E – 5539731, số khung RLHHC1216DY539672 thu được khi khám xét khẩn cấp đối với Tạ Văn T. Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ để giải quyết theo thẩm quyền.

Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Tạ Văn T, Chu Ba D (Chu Văn D) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các T liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Tạ Văn T và Chu Ba D là đối tượng nghiện ma túy, để có tiền tiêu sai nên trong thời gian từ ngày 14/5/2020 đến ngày 22/5/2020, Tạ Văn T và Chu Ba D (Chu Văn D) đã lợi dụng lúc vắng vẻ và sự sơ hở của người dân, liên tục lén lút thực hiện 04 vụ trộm cắp T sản cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 12 giờ ngày 14/5/2020 Tạ Văn T và Chu Ba D trộm cắp 01 chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh của anh Nguyễn Quang Tiến. Theo kết luận của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng huyện T thì giá trị T sản T và D chiếm đoạt của anh Tiến có giá trị là 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng);

Vụ thứ 2: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 20/5/2020 Tạ Văn T và Chu Ba D đi chiếc xe YAMAHA Jupiter không có BKS của D đến xã H, huyện T, Thành phố H trộm cắp chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh lá cây của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Theo kết luận của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng huyện T thì giá trị T sản T và D chiếm đoạt của chị H có giá trị là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng);

Vụ thứ 3: Khoảng 23 giờ ngày 21/5/2020, Tạ Văn T và Chu Ba D đi chiếc xe YAMAHA Jupiter không có BKS đến xã H, huyện T, Thành phố H trộm cắp chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh thẫm của ông La Văn Đ. Theo kết luận của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng huyện T thì giá trị T sản T và D chiếm đoạt của ông Đ có giá trị là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng);

Vụ thứ 4: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/5/2020, D tiếp tục rủ T đi trộm cắp T sản. Sau đó, T chuẩn bị 01 kìm cộng lực, 01 gậy rút kim loại ba khúc, 01 kéo kim loại, 01 đèn pin bằng nhựa, 01 khẩu trang vải màu đen, 01 mũ lưỡi trai màu đen và chở D bằng chiếc xe YAMAHA Jupiter không có biển kiểm soát đến khu vực đường 19/8 thuộc thôn Bàn, xã H, huyện T, Thành phố H, trộm cắp chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh của anh Nguyễn Văn L. Theo kết luận của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng huyện T thì giá trị T sản T và D chiếm đoạt của anh L có giá trị là 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng);

Tổng giá trị T sản các bị cáo chiếm đoạt là 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng); Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp T sản” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt T sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Thành phố H truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn áp dụng nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu T sản của người khác, làm mất trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo thực hiện 04 lần trộm cắp T sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D đã tự nguyện khắc phục hậu quả và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Trong vụ án này các bị cáo đều là những đối tượng nghiện ma túy, nhân thân đã từng bị kết án về tội trộm cắp T sản. Mặc dù, các bị cáo đều đã được đương nhiên xóa án nhưng nay tiếp tục thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp T sản, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo rủ nhau đi trộm cắp T sản, cùng là người thực hành nên có vai trò ngang nhau. Tuy nhiên, bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nên được hưởng mức hình phạt thấp hơn T.

[7] *Về trách nhiệm dân sự của các bị cáo:* Anh Nguyễn Quang Tiến yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo T và bị cáo D cùng thực hiện hành vi trộm cắp T sản và sau đó bán T sản chia đôi do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quy định tại các Điều 288, 587, 589 BLDS. Trong giai đoạn truy tố bị cáo Chu Ba D và gia đình đã bồi thường cho anh Tiến số tiền 7.500.000 đồng, anh Tiến không yêu cầu bị cáo D bồi thường nên nay số tiền còn lại là 7.500.000 đồng (1/2 thiệt hại) buộc bị cáo Tạ Văn T bồi thường cho anh Tiến là phù hợp.

Người bị hại là ông La Văn Đ, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Thanh H đã nhận lại T sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xét; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền đã mua chiếc xe ba gác nên không xét.

[8] *Về xử lý vật chứng:* Đối với 01 (một) kìm cộng lực màu đen; 01 (một) chiếc gậy rút 03 khúc bằng kim loại; 01 (một) chiếc kéo kim loại có tay cầm màu xanh; 01 (một) chiếc đèn pin vỏ bằng nhựa màu đỏ; 01 (một) đoạn dây xích kim loại bị đứt 01 mắt xích màu trắng; 01 (một) khẩu trang vải màu đen; 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen; 01 (một) đôi dép tổ ong màu nâu đất; 01 đầu vạm phá khóa bằng kim loại là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Jupiter màu trắng xám không có BKS, số khung: VYA- J5VT2 4YA038635, số máy: 5VT2 – 38635 T, D sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 (một) xe máy Honda Wave, màu đỏ, BKS: 19B1 – 294.00, số máy HC12E – 5539731, số khung RLHHC1216DY539672 thu được khi khám xét khẩn cấp đối với Tạ Văn T. Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

[9] *Về án phí:* Bị cáo Chu Ba D (Chu Văn D) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự; bị cáo Tạ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 375.000 đồng án phí dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tạ Văn T và Chu Ba D (Chu Văn D) phạm tội “Trộm cắp T sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Tạ Văn T **36** (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22 tháng 5 năm 2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Chu Ba D (Chu Văn D) **28** (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22 tháng 5 năm 2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 288, 587,589 BLDS năm 2015;

Buộc Tạ Văn T bồi thường cho anh Nguyễn Quang Tiến số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Jupiter màu trắng xám không có BKS, số khung: VYA- J5VT2 4YA038635, số máy: 5VT2 – 38635 (thu giữ của Chu Ba D).

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) kìm cộng lực màu đen; 01 (một) chiếc gậy rút 03 khúc bằng kim loại; 01 (một) chiếc kéo kim loại có tay cầm màu xanh; 01 (một) chiếc đèn pin vỏ bằng nhựa màu đỏ; 01 (một) đoạn dây xích kim loại bị đứt 01 mắt xích màu trắng; 01 (một) khẩu trang vải màu đen; 01 (một) mũ lưỡi trai màu đen; 01 (một) đôi dép tổ ong màu nâu đất; 01 đầu vạm phá khóa bằng kim loại.

Theo biên bản giao nhận T sản tang vật số 58/2020/THA ngày 10/9/2020 giữa Chi Cục thi hành án huyện T và Công an huyện T.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Chu Ba D (Chu Văn D) phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Tạ Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận :

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Thành phố H;
- CA, VKSND, THA huyện T;
- Bị cáo, người bị hại;
- UBND xã Chàng Sơn, T;
- UBND xã Sài Sơn, Quốc Oai;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy

Nơi nhận :

- TAND Thành phố H;
- CA, VKSND, THA huyện T;
- Bị cáo, người bị hại;
- UBND xã Chàng Sơn, T;
- UBND xã Sài Sơn, Quốc Oai;
- Lưu HS, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA